

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2020/HS-ST
Ngày 11-5-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Ngọc Sương

2. Bà Trần Ngọc Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Cảnh Khang là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Sỹ – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 92/2020/TLST- HS ngày 09 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2020/QĐXXST – HS ngày 29 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

LVT, sinh năm 1995 tại Hà Tĩnh; thường trú: Xóm 3, xã HG, huyện HK, tỉnh HT; Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông LVH, sinh năm 1962 và bà PTL, sinh năm 1964; tiền án: Bản án số 53/2016/HSST ngày 30/9/2016 bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 21 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/01/2018; tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 18/9/2019, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà NTNT1, sinh năm 1973; thường trú: Số 90 THĐ, khu phố NT, thị trấn TN, huyện HTN, tỉnh BT, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông NVT2, sinh năm 1973; thường trú: Ấp NA, xã NM, huyện CM, tỉnh AG, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

LVT và đối tượng tên T3 (không rõ nhân thân, địa chỉ) là bạn quen biết ngoài xã hội. Do không có tiền tiêu xài cá nhân nên cả hai cùng rủ nhau đi tìm tài sản là xe mô tô hai bánh của người dân để sơ hở thì lấy trộm bán để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Thực hiện ý định trên, T3 điều khiển xe mô tô kiểu Exciter (không rõ biển số) chở T đi lòng vòng trên các tuyến đường từ địa phận thành phố Dĩ An đến địa phận thành phố Thuận An tìm xe mô tô để lấy trộm. Đến khoảng hơn 11 giờ 00 phút cùng ngày 17/9/2019 cả hai đến địa phận phường Thuận Giao, thành phố Thuận An khi đi qua bãi xe Trường Thuận thuộc khu phố Bình Thuận 2, phường Thuận Giao thì Tăng nhìn thấy bên trong bãi xe có một chiếc xe mô tô biển số 67L1-944.29, hiệu Honda, kiểu Wave, màu xanh đen bạc của bà NTNT1 để không người trông coi, trên ổ khóa công tắc nguồn xe còn cắm sẵn chìa khóa. T kêu T3 đứng ngoài chờ để T đi bộ vào đến vị trí chiếc xe mô tô hai bánh biển số 67L1-944.29, lên lút đẩy bộ chiếc xe ra khỏi bãi xe Trường Thuận và mở khóa nguồn nổ máy điều khiển xe tẩu thoát về hướng thành phố Dĩ An cùng với T3. Khi Tăng đang điều khiển xe mô tô vừa trộm cắp được trên đường Lý Thường Kiệt, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An thì bị lực lượng Công an phường Dĩ An tuần tra phát hiện Tăng điều khiển xe có biểu hiện nghi vấn nên đã tiến hành kiểm tra hành chính, quá trình kiểm tra T không xuất trình được giấy tờ xe, không chứng minh được nguồn gốc xe mô tô biển số 67L1-944.29 nên Công an phường Dĩ An mời T về trụ sở làm việc.

Vật chứng thu giữ là 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda, kiểu Wave, màu xanh đen bạc biển số 67L1-944.29. Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô này bà NTNT1 mua vào năm 2018 với giá 9.000.000 đồng của ông NVT2 để làm phương tiện đi lại nhưng chưa làm thủ tục sang tên thì đến ngày 17/9/2019 bị trộm cắp mất. Cơ quan điều tra tiến hành xác minh và làm việc với ông NVT2 là người đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe, qua làm việc ông T2 xác nhận đã bán chiếc xe mô tô biển số 67L1-944.29 cho bà NTNT1 với giá 9.000.000 đồng vào khoảng tháng 8 năm 2018 nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Đồng thời ông T2 không có yêu cầu gì đối với chiếc xe mô tô trên do đó Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô biển số 67L1-944.29 cho bà Thu.

Biên bản định giá tài sản và Bản kết luận định giá tài sản ngày 25/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thị xã Thuận An kết luận: trị giá tài sản 01 chiếc xe mô tô biển số 67L1-944.29 là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng).

Tại Cáo trạng số 109/CT-VKS-TA ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo LVT về “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh như cáo trạng đã truy tố, phân tích tính chất, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo LVT mức hình phạt từ 10 (mười) tháng tù đến 12 (mười hai) tháng tù.

Tại phiên tòa bị cáo LVT đã khai nhận toàn bộ hành vi như cáo trạng truy tố, bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Ý kiến của bị hại trong quá trình điều tra: Đã nhận lại xe và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ý kiến người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NVT trong quá trình điều tra: Không có yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo LVT đã khai nhận hành vi trộm cắp tài sản như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận: Khoảng hơn 11 giờ 00 phút ngày 17/9/2021 bị cáo LVT và đối tượng tên T3 đi qua bãi xe Trường Thuận thuộc khu phố Bình Thuận 2, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương thì T có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là chiếc xe mô tô biển số 67L1-944.29, hiệu Honda, kiểu Wave, màu xanh đen bạc của bà NTNT1 trị giá 7.000.000 đồng. Do đó Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo LVT về “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự và sẽ bị xử lý nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi, muốn có tài sản sử dụng không phải bằng sức lao động của mình nên đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, bất chấp hậu quả và pháp luật. Do đó cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích, bị cáo không lấy đó làm bài học để sửa đổi bản thân mà tiếp tục phạm tội, điều này thể hiện bị cáo là người lười lao động, thích hưởng thụ, xem thường pháp luật. Đây là tình tiết tăng nặng “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại, bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm

h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với vật chứng là 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda, kiểu Wave, màu xanh đen bạc biển số 67L1-944.29 quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô này bà NTNT1 mua vào năm 2018 với giá 9.000.000 đồng của ông NVT2 để làm phương tiện đi lại nhưng chưa làm thủ tục sang tên thì đến ngày 17/9/2019 bị trộm cắp mất. Cơ quan điều tra tiến hành xác minh và làm việc với ông NVT2, sinh năm 1973, HKTT: Ấp Nhơn An, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang là người đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe, qua làm việc ông T2 xác nhận đã bán chiếc xe mô tô biển số 67L1-944.29 cho bà NTNT1 với giá 9.000.000 đồng vào khoảng tháng 8 năm 2018 nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Đồng thời ông T2 không có yêu cầu gì đối với chiếc xe mô tô trên do đó Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô biển số 67L1-944.29 cho bà Thu là đúng quy định.

Đối với đối tượng tên T3 là đồng phạm giúp sức cho bị can LVT thực hiện hành vi phạm tội, do không đủ thông tin về nhân thân, lai lịch nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh xử lý sau.

[7] Đối chiếu với mức hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 173; điểm h và điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo LVT phạm tội “trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo LVT 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/9/2019.

2. Về án phí: Bị cáo LVT phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Phòng PV 27 CA tỉnh Bình Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Công an thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VT.

Vũ Thị Nhâm